

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
XÃ SƠN CẨM HÀ

Số: 19 /NQ-HĐND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn Cẩm Hà, ngày 12 tháng 9 năm 2025

### NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025  
và Kế hoạch đầu tư công năm 2025 xã Sơn Cẩm Hà sau sắp xếp

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ SƠN CẨM HÀ KHÓA I NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ HAI (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế Nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị quyết số 1659/NQ-UBTVQH15 ngày 18/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Đà Nẵng năm 2025;

Căn cứ Nghị định 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Xét Tờ trình số 51/TTr-UBND ngày 09/9/2025 của Ủy ban nhân dân xã về thông qua Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của xã Sơn Cẩm Hà sau sắp xếp; Báo cáo số 06/BC-HĐND ngày 09/9/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND xã và ý kiến thảo luận của đại biểu tại kỳ họp;

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thống nhất tiếp nhận toàn bộ, nguyên trạng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của xã Tiên Sơn (cũ), Tiên Châu (cũ) và Tiên Hà (cũ):

Tổng nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025: 33.749,693 triệu đồng. Trong đó:

- Vốn ngân sách Trung ương: 15.195,335 triệu đồng.

- Vốn ngân sách thành phố (gồm vốn ngân sách tỉnh và ngân sách huyện cũ): 16.142,121 triệu đồng.

- Vốn ngân sách xã và huy động khác: 2.412,246 triệu đồng.

*(Chi tiết pheo Phụ lục 01 đính kèm)*

**Điều 2.** Bổ sung danh mục các công trình vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư năm 2025 (sau khi tiếp nhận) gồm 09 công trình được UBND huyện Tiên Phước (cũ) bàn giao về xã, tổng vốn: 25.412,69 triệu đồng trong đó:

- Vốn ngân sách Trung ương: 8.615 triệu đồng.

- Vốn ngân sách thành phố (gồm vốn ngân sách tỉnh và ngân sách huyện cũ): 16.797,69 triệu đồng.

*(Chi tiết pheo Phụ lục 02 đính kèm)*

**Điều 3.** Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của xã Sơn Cẩm Hà (mới) sau khi tiếp nhận, điều chỉnh: 59.472,84 triệu đồng. Trong đó:

- Vốn ngân sách Trung ương: 23.810,33 triệu đồng.

- Vốn ngân sách thành phố (gồm vốn ngân sách tỉnh và ngân sách huyện cũ): 33.250,27 triệu đồng.

- Vốn ngân sách xã: 2.412,25 triệu đồng.

*(Chi tiết pheo Phụ lục 03 đính kèm)*

**Điều 4.** Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của xã Sơn Cẩm Hà (mới) sau khi tiếp nhận: 10.013 triệu đồng.

- Vốn ngân sách Trung ương: 3.310,01 triệu đồng.

- Vốn ngân sách thành phố (gồm vốn ngân sách tỉnh và ngân sách huyện cũ): 6.702,99 triệu đồng.

Trong đó:

- Dự án thuộc CTMTQG xây dựng NTM: 7.635,15 triệu đồng (dự án đang triển khai: 03 dự án, dự án đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán: 09 dự án; dự án đã quyết toán: 27 dự án)

- Dự án thuộc chương trình kiên cố hóa GTNT, NQ03: 2.377,86 triệu đồng (dự án đang triển khai: 03 dự án; dự án đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán: 01 dự án; dự án đã quyết toán: 14 dự án)

*(Chi tiết pheo Phụ lục 04 đính kèm)*

**Điều 5.** Thống nhất điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn các công trình, dự án đã được bố trí từ ngân sách huyện trước đây thành ngân sách thành phố.

### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

**1.** Giao Ủy ban nhân dân xã quán triệt, tuyên truyền triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp Luật tập trung một số nội dung sau:

- Triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 đúng theo quy định của pháp luật; khẩn trương chỉ đạo thực hiện các bước theo quy trình thực hiện dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn đầu tư công do UBND xã làm chủ đầu tư đối với các dự án khởi công mới trong Kế hoạch đầu tư công năm 2025 đúng quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, giao dự toán cho các chủ đầu tư kịp thời và tổ chức công khai dự toán ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách.

- Chỉ đạo các chủ đầu tư phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan khẩn trương tiếp nhận các công trình để tiếp tục triển khai thực hiện, đồng thời rà soát báo cáo cấp thẩm quyền điều chỉnh theo quy định đối với các danh mục công trình không thể thực hiện hoặc thực hiện không đem lại hiệu quả.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân xã có kế hoạch kiểm tra, đôn đốc, giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã phối hợp giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này đạt kết quả tốt.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Sơn Cẩm Hà khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ 2 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 12 tháng 9 năm 2025./.

**Nơi nhận:**

- TTHĐND, UBND TP Đà Nẵng (B/c);
- Sở Tài chính TP Đà Nẵng;
- TTĐU, TTHĐND, UBND, UBND TQVN xã;
- Các Ban của HĐND xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Các phòng ban, đơn vị, đoàn thể tl uộc xã;
- CPVP, các CV;
- Công thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Trần Quế Hương**



**PHỤ LỤC KẾ HOẠCH DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 CỦA 3 XÃ CŨ (TIỀN SƠN, TIỀN CHÂU, TIỀN HẠ)**  
(Kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-ĐHĐND ngày 12 tháng 2 năm 2025 của HĐND xã Sơn Cẩm Hạ)

PL01

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục Chương trình dự án	Số quyết định: ngày, tháng, năm	Tổng	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025				Kế hoạch đầu tư đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã giao chỉ tiêu đến ngày 30/6/2025				Ghi chú (chưa phân bổ, đang triển khai, quyết toán, dự vốn trong hạn...)		
				Trong mức đầu tư		Trong đó		Trong mức đầu tư		Trong đó		Trong đó						
				NETW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã và huy động	Tổng số	NSTW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã và huy động	Tổng số	NSTW	Ngân sách tỉnh		Ngân sách huyện	Ngân sách xã và huy động
1	Chương trình MTQG vùng thôn mới		33.749.733	15.195.325	6.456.326	9.685.795	2.412.246	33.749.692	15.195.325	6.456.326	9.685.795	2.412.246	20.114.38	13.559,09	3.316,75	2.883,43	355,11	
1	Nâng cấp sân vận động xã	95/23/6/2023	558,67	446,9	100,561	11,209	558,67	446,9	100,561	11,209	547,461	446,9	100,561	100,561	100,561	100,561	100,561	
2	Nhà vệ sinh thôn 1	81/07/6/2023	105,398	84,318	15,81	5,27	105,398	84,318	15,81	5,27	100,128	84,318	15,81	15,81	15,81	15,81	15,81	
3	Nhà vệ sinh thôn 6	82/07/6/2023	105,299	84,239	15,795	5,265	105,299	84,239	15,795	5,265	100,034	84,239	15,795	15,795	15,795	15,795	15,795	
4	Dương bê tông ngõ xóm tuyến hạ Phi - ông Lĩnh	34/02/4/2024	294,302	206,011	58,86	29,431	294,302	206,011	58,86	29,431	294,302	206,011	58,86	29,431	29,431	29,431	29,431	
5	Đập Đòng Nậy thôn 6	119/19/05/2025	397,02	357,318	31,762	7,94	397,02	357,318	31,762	7,94	357,318	357,318	31,762	357,318	357,318	31,762	357,318	
6	Đổ bao đống xoài (thôn 3)	122/21/09/2025	299,515	269,564	23,961	5,99	299,515	269,564	23,961	5,99	269,564	269,564	23,961	269,564	269,564	23,961	269,564	
7	Kênh mương Kường Đòng thôn Cửu Đông	62/25/10/2022	403,702	363,332	38	2,37	403,702	363,332	38	2,37	392,704	375,3	375,3	17,404	17,404	17,404	17,404	
8	Bê tông GTNT tuyến ĐT 614 đi ống Tú	56/06/06/2023	977,781	610,665	195,556	171,56	977,781	610,665	195,556	171,56	880,003	610,665	195,556	73,782	73,782	73,782	73,782	
9	Dương ngõ xóm tuyến 614 ống Thờ - ống Giáp	2565/13/09/202	759,602	540	152	67,602	759,602	540	152	67,602	692	540	152	540	540	152	540	
10	Dương ngõ xóm tuyến GTNT từ Tân Liên đi ống Tân	12/07/10/2022	639,943	447,96	127,988	63,994	639,942	447,96	127,988	63,994	575,948	447,96	127,988	127,988	127,988	127,988	127,988	
11	Dương ngõ xóm Tuyến từ đèo đưng ĐX 3 đi ống chùng thôn 6	93/19/6/2022	266,542	181,09	52,508	32,944	266,542	181,09	52,508	32,944	233,598	181,09	52,508	181,09	181,09	52,508	52,508	
12	Dương ngõ xóm Tuyến ống Lê đi ống Cây chông	92/19/5/2022	180,095	121,94	36,019	22,136	180,095	121,94	36,019	22,136	157,959	121,94	36,019	36,019	36,019	36,019	36,019	
13	Bê tông hoa GTNT ống Tưng - ống Kỳ	115/05/07/2024	228,147	159,703	45,629	22,815	228,147	159,703	45,629	22,815	205,332	159,703	45,629	45,629	45,629	45,629	45,629	
14	Bê tông hoa GTNT Bằng Lăng - A Sư	116/08/07/2024	442,791	309,954	88,558	44,279	442,791	309,954	88,558	44,279	398,512	309,954	88,558	88,558	88,558	88,558	88,558	
15	Bê tông hoa GTNT ống Đực - ống Hải	804/27/05/2024	1267,18	996,072	253,544	18,102	1267,718	996,072	253,544	18,102	1249,616	996,072	253,544	253,544	253,544	253,544	253,544	
16	Xây dựng bổ sung bê tông hoa đoạn Bà An đi Ống Đàng để thông thương tuyến 6 Sư đi Dầu Lái - thôn 1	116/16/05/2025	423,361	296,352	84,672	42,337	423,361	296,352	84,672	42,337	296,352	296,352	84,672	84,672	84,672	84,672	84,672	





TT	Danh mục Chương trình/dự án	Số quyết định:	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư đầu tư công trong hạn giải đoạn 2021 - 2025				Kế hoạch đầu tư đầu tư công trong hạn giải đoạn 2021 - 2025 đã giao chỉ tiêu đến ngày 30/6/2025				Ghi chú (chưa phân bổ, đang triển khai, quyết)
			Tổng mức đầu tư		Trong đó		Trong đó		Trong đó		Trong đó				
V	Chương trình, dự án khác		7.598,66	949,49	1.489,26	159,91	2.598,56	949,49	1.489,26	159,91	2.402,54	949,49	1.453,15	DA QT	
1	Hệ thống thoát nước khu trung tâm xã Tiên Châu (giai đoạn 1)	668/14/07/2023	999,56		999,56		999,55		999,56		963,45		963,45	DA QT	
2	Tuyến suối Ô qum 10B	1607,30/5/2022	639,28	489,49	139,86	69,93	699,28	489,49	139,86	69,93	629,35	489,49	139,86	DA QT	
3	Công nhận Hộ Đăng trên tuyến ĐX 2	2952,04/8/2022	899,82	460	349,84	89,98	899,82	460	349,84	89,98	809,84	460	349,84	DA QT	
4	Hồ trữ sắp xếp ổn định dân cư miền núi Quảng Nam giai đoạn 2021-2025 tại xã Tiên Sơn, huyện Tiên Phước		206,974								809,84		206,974	Đang triển khai	
5	Hồ trữ sắp xếp ổn định dân cư miền núi Quảng Nam giai đoạn 2021-2025 tại xã Tiên Hà, huyện Tiên Phước		103,487								809,84		103,487	Đang triển khai	





**KẾ HOẠCH DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOÀN 2021 - 2025 TỪ PHÒNG, BAN HUYỆN CHUYÊN VỀ**  
(Kèm theo Nghị quyết số 19./NQ-HĐND ngày 12 tháng 9 năm 2025 của HĐND xã Sơn Cẩm Hạ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đanh mục Chương trình/ dự án	Quyết định đầu tư Số quyết định: ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư						Giá trị quyết toán/nghiệm thu						Kế hoạch đầu tư đầu tư công đã giao chi tiết đến ngày 30/6/2025						Ghi chú (chưa phân bổ, đang triển khai, quyết toán, dự vốn trung hạn,...)
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó									
			NSTW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện và huy động		NSTW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện và huy động		NSTW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện và huy động							
<b>TỔNG SỐ</b>		25.412,69	8.615,00	9.776,19	7.021,50	22.773,79	7.824,72	9.157,71	5.741,36	19.103,05	6.723,68	7.837,33	4.542,04							
1	Nghĩa trang liệt sỹ xã Tiên Sơn	1.482,00		1.482,00		1.363,79		1.363,79		1.363,79		1.363,79		ĐA QT						
2	Nghĩa trang liệt sỹ xã Tiên Hà	1835,24/5/2024	2.094,19	2.094,19		1.617,58		1.617,58		1.717,31		1.717,31		Hoàn thành, CQ						
3	Nghĩa trang liệt sỹ xã Tiên Cẩm	1836,24/5/2024	800,00	800,00		776,50		776,50		800,00		800,00		ĐA QT						
4	Trạm bơm Tiên Trang	2903,20/9/2023	2.911,43		1.800,00	1.111,43		1.799,85	870,12	2.241,89		1.799,85	442,04	ĐA QT						
5	Tuyến đường cầu Lò Rèn - Yên Đông Văn (ĐH 11, TP)	782,30/3/2022	11.115,00	8.615,00		10.324,72	7.824,72		2.500,00	9.223,63	6.723,68		2.500,00	ĐA QT						
6	Điện chiếu sáng qua trung tâm xã Tiên Hà, đoạn cầu Ba Tập đến Cầu Đáp Chuối	5365,09/10/2024	571,63			571,63			532,88	350,00			350,00	ĐA QT						
7	Điện chiếu sáng công cộng đoạn qua trung tâm xã Tiên Châu, đoạn từ Nghĩa trang Liệt Sỹ đến ngã 3 ống	5026,11/09/2024	817,93			817,93			762,23	560,66			500,00	ĐA QT						
8	Thạch, tuyến đường DT 614	5547,25/10/2024	1.120,51			1.120,51			1.076,14	750,00			750,00	ĐA QT						
9	Trạm bơm từ sông Tiên đặt tại Tiên Hà	47698,20/12/2023	4.500,00		3.600,00	900,00		3.600,00		2.156,39		2.156,39		Đang triển khai						



**PHỤ LỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ SƠN CẨM HẠ (SƠ TIẾP NHẬN)**  
(Kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 12 tháng 9 năm 2025 của HĐND xã Sơn Cẩm Hạ)

TT	Danh mục Chương trình/ dự án	Số quyết định: ngày, tháng, năm	Quyết định đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã giao chi tiết đến ngày 30/6/2025						Chi chú (chưa phân bổ, đang triển khai, quyết toán, dự toán trung hạn...)												
			Tổng mức đầu tư			Trong đó			Tổng số			Trong đó			Tổng số			Trong đó															
			Tổng số	NSTW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã và huy động	Tổng số	NSTW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã và huy động	Tổng số	NSTW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã và huy động	Tổng số	NSTW	Ngân sách tỉnh		Ngân sách huyện	Ngân sách xã và huy động										
<b>I</b>																																	
<b>Chương trình MTQG Nông thôn mới</b>																																	
1	Nâng cấp sản vật đồng xã	95/23/6/2023	59.472,84	23.810,33	16.542,97	16.707,30	7.412,25	56.473,39	23.027,04	15.614,04	15.427,16	2.412,25	49.747,34	21.592,25	13.991,99	12.084,97	768,91	59.472,84	23.810,33	16.542,97	16.707,30	7.412,25	56.473,39	23.027,04	15.614,04	15.427,16	2.412,25	49.747,34	21.592,25	13.991,99	12.084,97	768,91	Đã QT
2	Nhà vệ sinh thôn 1	81/07/6/2023	105,40	84,32	15,81	15,81	5,27	105,40	84,32	15,81	15,81	5,27	105,40	84,32	15,81	15,81	5,27	105,40	84,32	15,81	15,81	5,27	105,40	84,32	15,81	15,81	5,27	105,40	84,32	15,81	15,81	5,27	Đã QT
3	Nhà vệ sinh thôn 6	82/07/6/2023	105,39	84,24	15,80	15,80	5,27	105,30	84,24	15,80	15,80	5,27	105,30	84,24	15,80	15,80	5,27	105,30	84,24	15,80	15,80	5,27	105,30	84,24	15,80	15,80	5,27	105,30	84,24	15,80	15,80	5,27	Đã QT
4	Đường bê tông ngõ xóm tuyến hạ Phi - ông Linh	34/02/4/2024	294,30	206,01	58,06	58,06	29,43	294,30	206,01	58,86	58,86	29,43	294,30	206,01	58,86	58,86	29,43	294,30	206,01	58,86	58,86	29,43	294,30	206,01	58,86	58,86	29,43	294,30	206,01	58,86	58,86	29,43	Đã QT
5	Đập Đòng Này thôn 6	119/19/05/2025	397,02	357,32	31,76	31,76	7,94	397,02	357,32	31,76	31,76	7,94	397,02	357,32	31,76	31,76	7,94	397,02	357,32	31,76	31,76	7,94	397,02	357,32	31,76	31,76	7,94	397,02	357,32	31,76	31,76	7,94	Đã hoàn thành, chưa QT
6	Đê bao đồng xã (thôn 3)	122/21/05/2025	299,52	269,56	23,96	23,96	5,99	299,52	269,56	23,96	23,96	5,99	299,52	269,56	23,96	23,96	5,99	299,52	269,56	23,96	23,96	5,99	299,52	269,56	23,96	23,96	5,99	299,52	269,56	23,96	23,96	5,99	Đang triển khai
7	Kênh mương Ruộng Đòng thôn Cẩm Đòng	62/25/10/2022	403,70	363,33	38,00	38,00	2,37	403,70	363,33	38,00	38,00	2,37	403,70	363,33	38,00	38,00	2,37	392,70	375,30	17,40	17,40		392,70	375,30	17,40	17,40		392,70	375,30	17,40	17,40		Đã QT
8	Bê tông GTNT tuyến DT 614 đi ông Tư	56/06/06/2023	977,78	610,67	195,56	195,56	171,56	977,78	610,67	195,56	195,56	171,56	880,00	610,67	195,56	195,56	73,782	880,00	610,67	195,56	195,56	73,782	880,00	610,67	195,56	195,56	73,782	880,00	610,67	195,56	195,56	73,782	Đã QT
9	Đường ngõ xóm tuyến 614 ông Thọ - ông Giáp	25/65/13/09/202	759,60	540,00	152,00	152,00	67,60	759,60	540,00	152,00	152,00	67,60	692,00	540,00	152,00	152,00	67,60	692,00	540,00	152,00	152,00	67,60	692,00	540,00	152,00	152,00	67,60	692,00	540,00	152,00	152,00	67,60	Đã QT
10	Đường ngõ xóm tuyến GTNT từ Trần Liêm đi ông Tân	12/07/10/2022	639,94	447,96	127,99	127,99	63,99	639,94	447,96	127,99	127,99	63,99	575,95	447,96	127,99	127,99	63,99	575,95	447,96	127,99	127,99	63,99	575,95	447,96	127,99	127,99	63,99	575,95	447,96	127,99	127,99	63,99	Đã QT
11	Đường ngõ xóm Tuyến từ dưới đường BX 3 đi ông Chung thôn 6	93/19/6/2027	266,54	181,09	52,51	52,51	32,94	266,54	181,09	52,51	52,51	32,94	233,60	181,09	52,51	52,51	36,02	233,60	181,09	52,51	52,51	36,02	233,60	181,09	52,51	52,51	36,02	233,60	181,09	52,51	52,51	36,02	Đã QT
12	Đường ngõ xóm Tuyến ông Lễ đi ông Cây thông	92/19/6/2022	180,10	121,94	36,02	36,02	22,14	180,10	121,94	36,02	36,02	22,14	157,96	121,94	36,02	36,02	22,14	157,96	121,94	36,02	36,02	22,14	157,96	121,94	36,02	36,02	22,14	157,96	121,94	36,02	36,02	22,14	Đã QT
13	Bê tông hoa GTNT ông Trung - ông Kỳ	115/05/07/2024	228,15	159,70	45,63	45,63	22,82	228,15	159,70	45,63	45,63	22,82	205,33	159,70	45,63	45,63	22,82	205,33	159,70	45,63	45,63	22,82	205,33	159,70	45,63	45,63	22,82	205,33	159,70	45,63	45,63	22,82	Đã QT
14	Bê tông hoa GTNT Bằng Lăng - A Sư	116/08/07/2024	442,79	309,95	88,56	88,56	44,28	442,79	309,95	88,56	88,56	44,28	398,51	309,95	88,56	88,56	44,28	398,51	309,95	88,56	88,56	44,28	398,51	309,95	88,56	88,56	44,28	398,51	309,95	88,56	88,56	44,28	Đã QT
15	Bê tông hoa GTNT ông Đức - ông Hải	86a/27/05/2024	1.267,72	996,07	253,54	253,54	18,10	1.267,72	996,07	253,54	253,54	18,10	1.249,62	996,07	253,54	253,54	18,10	1.249,62	996,07	253,54	253,54	18,10	1.249,62	996,07	253,54	253,54	18,10	1.249,62	996,07	253,54	253,54	18,10	Đã QT



TT	Đanh mục Chương trình dự án	Số quyết định:	Quyết định đầu tư												Chi chi (chưa phân bổ, đang triển khai, quyết)			
			Chương trình đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trình hạng giải đoạn 2021 - 2025							Kế hoạch đầu tư công trình hạng giải đoạn 2021 - 2025 đã giao chi tiết đến ngày 30/6/2025		
			Trong cơ		Trong đó		Trong đó		Trong đó		Trong đó		Trong đó		Trong đó			
16	Xây dựng bổ sung bê tông hóa đoạn Bà An đi Ông Đăng để tiếp tục đường 6 Sư tử Đầu Lai - thôn 1	116/16/05/2025	423,36	296,35	84,67	42,34	423,36	296,35	84,67	42,34	296,35	296,35						Đã hoàn thành, chưa QT
17	BTH tuyến cấp DX 3 đi tích chỉ bộ dân trên xã Tiên Sơn tại thôn 5	123/21/05/2025	304,54	222,26	60,91	21,37	304,54	222,26	60,91	21,37	222,26	222,26						Đã hoàn thành, chưa QT
18	BTH GINT tuyến ống Phi đi ống Hoàng, thôn Cẩm Lành	117/16/05/2025	148,25	105,34	29,65	13,26	148,25	105,34	29,65	13,26	105,34	105,34						Đã hoàn thành, chưa QT
19	BTH GINT tuyến ống Tuần đi ống Tham, thôn Cẩm Phố	118/16/05/2025	149,02	105,34	29,80	13,88	149,02	105,34	29,80	13,88	105,34	105,34						Đã hoàn thành, chưa QT
20	San mặt bằng xây dựng lối đi nội bộ. NTND xã giải đoạn 01	97/24/6/2024	575,10	464,00	87,00	24,10	575,10	464,00	87,00	24,10	551,00	464,00						Đã QT
21	Bắt đầu thi công đường quê tuyến DT 614 - 615	84/03/7/2024	1.340,04	1.074,23	241,70	24,10	1.340,04	1.074,23	241,70	24,10	686,65	686,65						Đã QT
22	Đường đến NLMT thôn Cẩm Lành huyện Tiên Anh (tương đến Nguyễn Tân Hòa)	64/25/10/2022	132,44	91,234	17,107	24,099	132,44	91,234	17,107	24,099	108,682	91,575						Đã QT
23	Điện chiếu sáng đoạn DX2 ống (Võ Văn Sáu - Ông Tý)	124/23/05/2025	159,831	128,588	7,144	24,099	159,831	128,588	7,144	24,099	128,588	128,588						Đã hoàn thành, chưa QT
24	Bê tông hóa GINT tuyến đường từ ống Đức đi ống Huỳnh Thanh Hải qua ống Dầu	864/27/5/2024	1.267,72	996,072	253,544	18,102	1.267,72	996,072	253,544	18,102	1.245,616	996,072						Đã QT
25	Khu thể thao thôn Thanh Tân	260/18/10/2022	319,84	255,87	47,98	15,99	319,84	255,87	47,98	15,99	303,26	256,20						Đã QT
26	Nâng cấp đường lạng Hới An Tiên Châu	250/12/10/2022	143,25	114,60	21,49	7,16	143,25	114,60	21,49	7,16	141,92	141,92						Đã QT
27	Bê tông GINT đường ngõ xóm tuyến ống chính - bà nh	23/11/2023	386,00	291,05	53,94	65,01	386,00	291,05	53,94	65,01								Đã QT
28	Bê tông GINT đường ngõ xóm Hồ cấy dĩa (Thạch Khê)	364/21/11/2023	397,30	266,10	75,57	35,63	397,30	266,10	75,57	35,63	341,97	298,67						Đã QT
29	Bê tông GINT đường ngõ xóm tuyến Mỏ O đi ống Hùng	23/11/2023	162,85	122,85	17,59	22,41	162,85	122,85	17,59	22,41	146,56	122,85						Đã QT
30	Bê tông hóa GINT và công quan đường tuyến xã thôn Q O đi cam 10 B (giai đoạn 1)	09/10/2023	229,94	160,95	45,99	22,99	229,94	160,95	45,99	22,99	229,94	160,95						Đã QT
31	Công hợp trên đường GINT tuyến ống Lân đi ống Phước	09/10/2023	64,10	44,87	12,82	6,41	64,10	44,87	12,82	6,41	46,26	32,38						Đã QT
32	Dự án Bê tông hóa GINT đường ngõ xóm tuyến ống Cầu sông Trinh	133/04/7/2024	222,06	142,80	40,80	28,46	222,06	142,80	40,80	28,46	222,06	142,80						Đã QT
33	Dự án Bê tông hóa GINT đường ngõ xóm tuyến ống Thi - nhà thôn cam LOR	131/04/7/2024	250,54	157,50	45,00	48,04	250,54	157,50	45,00	48,04	250,54	157,50						Đã QT
34	Dự án Bê tông hóa GINT đường ngõ xóm tuyến ống Bàu - ống Sầu	133/08/7/2024	293,336	207	59	29,336	293,336	207	59	29,336	293,336	207,00						Đã QT
35	Dự án Bê tông hóa GINT đường ngõ xóm tuyến ống Bàu - ống Sầu (giai đoạn 2)	137/08/7/2024	509,85	357,00	102,00	50,85	509,85	357,00	102,00	50,85	509,85	357,00						Đã QT
36	Dự án Bê tông hóa GINT đường ngõ xóm tuyến ống Trại - ống Xuyên	134/08/7/2024	252,119	177,051	50,586	24,482	252,119	177,051	50,586	24,482	149,36	149,36						Đã QT



TT	Danh mục Chương trình/ dự án	Số quyết định:	Quyết định đầu tư						Kế hoạch đầu tư đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025						Kế hoạch đầu tư đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã giao chi tiết đến ngày 30/6/2025						Chi chú (chưa phân bổ, đang triển khai, quyết)	
			Tổng mức đầu tư						Kế hoạch đầu tư đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025						Kế hoạch đầu tư đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã giao chi tiết đến ngày 30/6/2025							
			Trong đó		Trong đó		Trong đó		Trong đó		Trong đó		Trong đó		Trong đó		Trong đó					
37	Công nghệ siêu Lo Ren	140.09/7/2024	1198,71	800,4655	338,309	59,935	1.198,71	800,4655	338,309	59,935	1.178,31	840,00	338,31							Đã QT		
38	Sửa chữa nâng cấp tuyến đường ĐN 3	283 09/12/2024	714,28	500,00	142,86	71,43	714,28	500,00	142,86	71,43	500,00	500,00	500,00							Đã QT		
39	BTH GTNT đường ngõ xóm tuyến ống Chưc - ống Lich	91, 25/4/2025	431,71	246,78	86,33	98,60	431,71	246,78	86,33	98,60										Đã QT		
40	Nâng cấp điểm thu mua nông sản xã Tiên Châu	251,12/10/2022	137,94	95,86	17,98	24,10	137,94	95,86	17,98	24,10	115,12	115,12	115,12	115,12	115,12	115,12	115,12	115,12		Đã QT		
41	Chỉnh trang khuôn viên Đình làng Hội An	76,06/10/22	1,000	800	150	50	1,000	800	150	50	828,813	828,813	828,813	828,813	828,813	828,813	828,813	828,813		Đang triển khai		
42	Xây dựng phòng thiết bị dạy và học trường Tiểu học Tiên Hà	73,24/5/2023	583,20	466,57	104,98	11,66	583,20	466,57	104,98	11,66	561,60	466,57	85,53	9,503							Đã QT	
43	Nhà thi đấu đa năng trường THCS Lê Hồng Phong	74,21/5/2024	583,64	466,91	87,55	29,18	583,64	466,91	87,55	29,18	533,48	466,91	49,39	17,182							Đã QT	
44	Mở rộng nâng cấp khu thể thao thôn Trung An - Tiên Trang (giai đoạn 2)	87,16/6/2023	581,52	465,20	104,67	11,65	581,52	465,20	104,67	11,65	524,05	465,20	51,50	7,352							Đã QT	
45	Khu thể thao t. n Tiên Trảng xã Tiên Hà (Giai đoạn 1)	196,15/12/2023	556,51	445,21	83,48	27,83	556,51	445,21	83,48	27,83	529,05	466,88	38,92	23,249							Đã QT	
46	Kênh tiêu nước Đông Lăng	69,17/5/2024	778,00	544,60	155,60	77,80	778,00	544,60	155,60	77,80	735,55	571,79	99,97	63,8							Đã QT	
47	Bê tông đường GTNT tuyến Cầu Ngà	190/14/6/2024	403,50	278,24	80,70	44,56	403,50	278,24	80,70	44,56	403,50	278,24	80,70	44,561							Đã QT	
48	Bê tông đường GTNT tuyến Hà Đạt đ.	90,16/6/2023	299,13	202,48	59,83	36,83	299,13	202,48	59,83	36,83	299,13	202,48	59,83	36,827							Đã QT	
49	Bê tông đường GTNT tuyến Ông Tân đ	64,11/4/2023	644,53	444,58	128,90	71,07	644,53	444,58	128,90	71,07	444,58	444,58									Đã hoàn thành, chưa QT	
50	Bê tông đường GTNT tuyến Ông Mạnh	84,25/4/2025	276,84	186,07	55,36	33,41	276,84	186,07	55,36	33,41	186,07	186,07									Đã hoàn thành, chưa QT	
51	Bê tông đường GTNT tuyến Học đ. đ.	89,29/4/2025	310,59	213,21	62,13	35,24	310,59	213,21	62,13	35,24	213,21	213,21									Đã hoàn thành, chưa QT	
52	Bê tông đường GTNT tuyến Ông Thành	88,29/4/2025	750,76	516,15	150,15	84,47	750,76	516,15	150,15	84,47	516,15	516,15									Đã hoàn thành, chưa QT	
II	Nghi quyết về quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025		452,861	360	48	44,861	452,861	360	48	44,861	452,861	360	48	44,861							Đã QT	
	Cửa hàng vật tư nông nghiệp HTX nông nghiệp Nam Tiên	2902,22/9/2020	452,861	360	48	44,861	452,861	360	48	44,861	452,861	360	48	44,861							Đã QT	
III	Kiến tạo hóa bê tông GTNT		4539,497	2527,444	1557,639	454,414	4539,497	2527,444	1557,639	454,414	4154,737	2527,444	1258,353	368,94								Đã QT
	Bê tông GTNT tuyến Ông Hòa - ống Nguyễn	226,1,13/7/2022	1600,196	890,89	549,286	160,02	1600,196	890,89	549,286	160,02	1215,436	890,89	250	74,546								Đã QT
2	BTH tuyến ba Tuyến Ông Hoàng	2308,23/8/2021	754,156	529,639	151,326	73,191	754,156	529,639	151,326	73,191	754,156	529,639	151,326	73,191								Đã QT

TT	Danh mục Chương trình/ dự án	Số quyết định:	Quyết định đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã giao chỉ tiết đến ngày 30/6/2025						Ghi chú (chưa phân bổ, đang triển khai, quyết)
			Tổng mức đầu tư		Trong đó		Trong đó			Trong đó		Trong đó				
3	BTH huyện Bà Cươc tỉnh Bình Định	1553/26/5/2022	355.488	215.915	104.024	35.549	355.488	215.915	104.024	35.549	355.488	215.915	104.024	35.549	Đã QT	
4	Bê tông GTNT tuyến Cẩm Đông, Tiên Cảnh ở Tiên Sơn	2748/29/9/2021	1353,976	891	327,976	135	1353,976	891	327,976	135	1353,976	891	327,976	135	Đã QT	
5	Nâng cấp, mở rộng tuyến cầu ngã 2 đến nhà ông Cường	4700,14/12/202	475,681	425,027	50,654	475,681	425,027	50,654	475,681	425,027	50,654	475,681	425,027	50,654	Đã QT	
IV	Dự án theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND		22.53,813	22.53,813		22.53,813	22.53,813		22.53,813	22.53,813		22.53,813	22.53,813		Đã QT	
1	Tư vấn Kiem Định	764/29/3/2022	2.253,81	2.253,81		2.253,81	2.253,81		2.253,81	2.253,81		2.253,81	2.253,81		Đã QT	
V	Chương trình, dự án khác															
1	Hệ thống thoát nước khu trung tâm xã Tiên Châu (giai đoạn 1)	668/14/03/2023; 2023	28.321,81	9.564,49	10.086,65	8.510,76	159,91	25.322,45	8.774,21	9.157,71	7.230,62	159,91	23.125,77	7.673,17	6.147,79	Đã QT
2	Tuyên suất Quận 10B	1607/30/5/2022	699,28	489,49		139,86	69,93	699,28	489,49		139,86	69,93	629,35	489,49		Đã QT
3	Công nhân Hồ Đình trên tuyến DX 2	2952,04/8/2022	899,82	460		349,84	89,98	899,82	460		349,84	89,98	809,84	460	Đã QT	
4	Hồ tư sắp xếp ổn định dân cư miền núi Quảng Nam giai đoạn 2021-2025 tại xã Tiên Sơn, huyện Tiên Phước		206,974		206,974								206,974		Đang triển khai	
5	Hồ tư sắp xếp ổn định dân cư miền núi Quảng Nam giai đoạn 2021-2025 tại xã Tiên Hà, huyện Tiên Phước		103,487		103,487								103,487		Đang triển khai	
6	Nghĩa trang liệt sĩ xã Tiên Sơn		1482		1482			1562,786	1363,786			1562,786	1363,786		Đã QT	
7	Nghĩa trang liệt sĩ xã Tiên Hà	1835,24/5/2024	2094,186		2094,186			1617,484	1617,484			1717,307	1717,307		Hoàn thành, CQT	
8	Nghĩa trang liệt sĩ xã Tiên Cảnh	1836,24/5/2024	800		800			776,499	776,499			800	800		Đã QT	
9	Tư vấn Kiem Định	2903,20/9/2023	2911,431			1111,431	2669,961	1799,845	870,116			2241,889	1799,845	442,044	Đã QT	
10	Văn (ĐH 11 TP)	782,30/3/2022	11115			2500	10324,717	7824,717	2500			9223,675	6723,675	2500	Đã QT	
11	Diện chiếu sáng công cộng đoạn qua Hà, đoạn cầu Ba Tập đến Cầu Đập Chước	5365/09/10/2024	571,632		571,632		532,883	532,883				350	350		Đã QT	
12	Diện chiếu sáng công cộng đoạn qua trung tâm xã Tiên Hà, đoạn từ UBND xã ở Tiên Sơn, tuyến DH 12 TP	5026,11/09/202	817,927		817,927		762,228	762,228				500	500		Đã QT	
13	Nghĩa trang Liệt Sĩ đến ngã 3 ở xã Thành, tuyến đường DT 614	5547,25/10/202	1120,513		1120,513		1076,136	1076,136				750	750		Đã QT	
14	Tư vấn Kiem Định	47698,20/12/20	4500		3600	900	3600	3600				2156,391	2156,391		Đang triển khai	



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
XÁ SƠN CAM HÀ**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG THỰC HIỆN NĂM 2025 XÁ SƠN CAM HÀ**  
(Kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 12 tháng 9 năm 2025 của HĐND xã Sơn Cam Hà)

PL04

STT	Dự án	Tổng mức đầu tư/quyết toán	Vốn năm 2025							Ghi chú
			Tổng	Bổ sung trong năm			Năm trước chuyển sang			
				Trung ương	Tỉnh	Huyện	Trung ương	Tỉnh	Huyện	
<b>Tổng cộng</b>			<b>10.013,00</b>	<b>3.303,42</b>	<b>2.237,39</b>	<b>3.870,41</b>	<b>6,59</b>	<b>500,00</b>	<b>95,19</b>	
A	Chương trình MTQC xây dựng NTM	18.142,40	7.635,15	3.303,42	1.926,93	1.803,02	6,59	500,00	95,19	
I	Dự án đang triển khai	1.448,54	1.203,71	1.203,71	-	-	-	-	-	
1	Đê bao đồng xoài thôn 3	299,515	269,564	269,564	-	-	0	-	0	
2	BTH GTNT ngô xóm tuyến ông Tuấn - ông Thám thôn Cầu Phố	142,021	105,336	105,336	-	-	-	-	-	
3	Chỉnh trang khuôn viên Đình làng Hội An	1000	828,813	828,813	0	-	-	-	-	
II	Dự án đã thi công xong - chưa quyết toán	3.300,65	2.469,78	1.839,21	630,57	-	-	-	-	
1	Bê tông đường GTNT tuyến Ông Tân đi ông Hòa	623,174	444,528	-	444,528	-	-	-	-	
2	Bê tông đường GTNT tuyến ông Mạnh đi bà Hương	276,812	186,043	-	186,043	-	-	-	-	
3	Bê tông đường GTNT tuyến ông Thống đi rừng Làng	751,055	516,146	516,146	-	-	-	-	-	
4	Đó đi ông Thống	310,565	213,209	213,209	-	-	-	-	-	
5	Xây dựng bổ sung bê tông hóa đoạn Bà An đi Ông Đăng để thông	426,361	296,352	296,352	-	-	-	-	-	
6	BTH GTNT ngô xóm tuyến ông Phi - ông Hoàng thôn Cam Lãnh	148,245	105,336	105,336	-	-	-	-	-	

STT	Dự án	Tổng mức đầu tư/quyết toán	Vốn năm 2025							Ghi chú
			Tổng	Bổ sung trong năm				Năm trước chuyển sang		
				Trung ương	Tỉnh	Huyện	Trung ương	Tỉnh	Huyện	
7	Điện chiếu sáng đoạn DX2 ông (Võ Văn Sáu - Ông Tý)	142,876	128,588	128,588						
8	Đập Đồng Nậy thôn 6	397,02	357,318	357,318		0			0	
9	BTH tuyến giáp DX 3 đi di tích chi bộ đầu tiên xã Tiên Sơn tại thôn 5	304,537	222,264	222,264						
<b>III</b>	<b>Dự án đã phê duyệt quyết toán</b>	<b>13.313,22</b>	<b>3.961,65</b>	<b>260,49</b>	<b>1.296,36</b>	<b>1.803,016</b>	<b>6,59</b>	<b>500,00</b>	<b>95,19</b>	
1	BTH tuyến Bà Đạt-Ông Tỉnh	299,127	59,825	0	0	59,825				
2	Nhà thi đấu đa năng trường THCS Lê Hồng Phong	583,638	150,54	101,148		49,392				
3	BTH Tuyến Cầu ngà hai đi bà Vui	403,504	80,701			80,701				
4	Kênh tiêu nước Đồng Làng	750,761	99,968			99,968				
5	Bất điện thấp sáng đường quê tuyến đt 614:615	1.342,79	49,253	42,659			6,594			
6	BTH GTNT tuyến ngõ xóm từ Bàng Lãng - Á Sự	442,791	88,558			0		88,558		
7	San mặt bằng xây dựng lối đi nội bộ Nghĩa trang nhân dân xã ( giai	575,099	89	89		0		0		
8	Bê tông hóa GTNT tuyến đường từ ông Đức đi ông Huỳnh Thanh Hải	1.267,72	600		600					
9	BTH GTNT tuyến giáp vườn ông Trung - ông Kỳ	228,147	6,629					6,629		
10	Đường ngõ xóm tuyến ông nguyên - NVH cảm lạnh	118,321	9,664			9,664				
11	Bê tông GTNT tuyến DT-ông từ	977,781	195,556			195,556				
12	Đường điện NLMT tuyến Trần Anh Cường - Nguyễn Tấn Hoa	114,043	13,009			13,009				



STT	Dự án	Tổng mức đầu tư/quyết toán	Tổng	Vốn năm 2025				Năm trước chuyển sang		Ghi chú		
				Bổ sung trong năm			Trung ương	Tỉnh	Huyện		Tỉnh	Huyện
				Trung ương	Tỉnh	Huyện						
13	Kênh mương ruộng đồng thôn Cẩm Đông	403,702	17,404	0	0	17,404	0					
14	Bê tông GTNT tuyến ông Danh - ông Hòe	414,68	37,592			37,592						
15	Sửa chữa khuôn viên NVH thôn Cẩm Tây	380,214	112,585			112,585						
16	Kênh ông đàn thôn Cẩm Tây	297,589	65,71	0	46,359	19,351	0					
17	Bê tông hóa ngõ xóm tuyến ông Chức đi ông Lịch	431,639	303	0	303		0			0		
18	Công ngầm suối Lò Rèn (Cửa ông Siêu)	1.198,71	685,309	0	347	338,309	0					
19	Bê tông hóa GTNT đường ngõ xóm tuyến ông Triết-ông Xuyên	252,118	102,755	27,687	0	75,068	0					
20	Bê tông hóa GTNT đường ngõ xóm tuyến Gò Bàu - ông Siêu.	295,336	62,325		0	88,536	0					
21	Bê tông hóa GTNT đường ngõ xóm: tuyến Gò Bàu - ông Siêu	509,852	152,852		0	152,852	0					
22	Bê tông hóa đường ngõ xóm ông Cai - ông Đình	222,064	79,264		0	79,264	0					
23	Bê tông hóa GTNT đường ngõ xóm tuyến ông Thi - nhà thôn cụm 10B	250,536	93,436		0	93,436	0					
24	Công hợp trên đường GTNT tuyến ông Lân - ông Phước	68,722	4,626		0	4,626	0					
25	Bê tông hóa GTNT và công qua đường tuyến cầu suối Ô Ô di cụm	229,935	22,994		0	22,994	0					
26	Tường rào cộng ngõ trường tiểu học Tiên Châu	540,118	38,801		0	38,801	0					
27	Sửa chữa nâng cấp tuyến DX 3 (ông Lợi - suối Ô 10B)	714,283	714,283		0	214,283	0			500		
<b>B</b>	<b>Chương trình dự án khác</b>	<b>30,821,86</b>	<b>2,377,86</b>	<b>-</b>	<b>310,46</b>	<b>2,067,40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		

STT	Dự án	Tổng mức đầu tư/quyết toán	Năm 2025						Ghi chú	
			Tổng	Bổ sung trong năm			Năm trước chuyển sang			
				Tổng	Tỉnh	Huyện	Trung ương	Tỉnh		Huyện
I	<b>Dự án đang triển khai</b>	<b>4.702,64</b>	<b>310,46</b>	-	<b>310,46</b>	-	-	-		
1	Hỗ trợ sắp xếp ổn định dân cư miền núi Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2022 (xã Tiên Sơn)	206,974	206,974	206,974	206,974					
2	Hỗ trợ sắp xếp ổn định dân cư miền núi Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2023 (xã Tiên Hà)	103,487	103,487	103,487	103,487					
3	Trạm bơm từ sông Tiên đặt tại Tiên Hà	4.392,18	0			0				
II	<b>Dự án đã hoàn thành - chưa quyết toán</b>	<b>2.094,19</b>	<b>517,31</b>	-	<b>517,31</b>	-	-	-		
1	Nghĩa trang liệt sỹ xã Tiên Hà	2.094,19	517,307		517,307					
II	<b>Dự án đã phê duyệt quyết toán</b>	<b>24.025,03</b>	<b>1.550,09</b>	-	<b>1.550,09</b>	-	-	-		
1	Cửa hàng vật tư nông nghiệp PTX nông nghiệp Nam Tiên	452,531	47,67		47,67					
2	Bê tông GTNT tuyến ông Hòa - ông Nguyễn	1.600,20								
3	Bê tông GTNT tuyến Cẩm Đông, Tiên Cẩm di Tiên Sơn	1.351,37	77,976		77,976					
4	BHT tuyến bà Tuyên ông Hoàng		10,965		10,965					
5	BTH tuyến bà Cúc ông Khánh		104,024		104,024					
6	Nghĩa trang liệt sỹ xã Tiên Cẩm	776,499	200		200					
7	Nghĩa trang liệt sỹ xã Tiên Sơn	1.363,79	913,786		913,786					

STT	Dự án	Tổng mức đầu tư/quyết toán	Vốn năm 2025						Ghi chú	
			Tổng	Bổ sung trong năm			Năm trước chuyển sang			
				Trung ương	Tỉnh	Huyện	Trung ương	Tỉnh		Huyện
8	Điện chiếu sáng qua trung tâm xã Tiên Hà từ cầu Ba Tập đến cầu	532,883								
9	Tuyến đường cầu Lò Rèn - Yên Đòng Vân (DH 11.TP)	10.324,72								
10	Điện chiếu sáng công cộng đoạn qua trung tâm xã Tiên Hà, đoạn từ	762,228								
11	Điện chiếu sáng công cộng đoạn qua trung tâm xã Tiên Châu, đoạn từ Nghĩa trang Liệt Sĩ đến ngã 3 ông Thanh, tuyến đường DT 614	1.076,14	195,668			195,668				
12	Đập Hồ Mơ	967,474								
13	Trạm bơm Rừng Đình	2.147,25								
14	Trạm bơm Tiên Tráng	2.669,96								

